* 1. **Đặc tả usecase “Quản lý đơn hàng”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý đơn hàng** | **ID: QTV-01** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại: Đơn giản** |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm*:***  Quản trị viên muốn quản lý thông tin các đơn hàng từ khách hàng. Họ có quyền thêm, chỉnh sửa, xoá thông tin các đơn hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi khách hàng đặt hàng thì quản trị viên sẽ xem các đơn hàng mà khách hàng đã đặt. | |
| **Trigger:**  Có khách hàng đặt hàng.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ: Quản trị viên**  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):** Cập nhật đơn hàng.  **+Extend(mở rộng):**  **+Generalization(tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng quản lý đơn hàng.   Sub 1: Chọn chức năng cập nhật đơn hàng (xem đặc tả Cập nhật đơn hàng)   1. Hiển thị danh sách các đơn hàng. 2. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con: không có** | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

* 1. **Đặc tả usecase “Cập nhật đơn hàng”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật đơn hàng** | **ID: QTV-02** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Trung bình |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm*:***  Quản trị viên muốn quản lý thông tin các đơn hàng từ khách hàng. Họ có quyền duyệt, chỉnh sửa, xoá thông tin các đơn hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi khách hàng đặt hàng thì các đơn hàng sẽ được quản trị viên duyệt các danh sách các đơn hàng.  Quản trị viên có quyền duyệt (thêm), sửa, xoá thông tin các đơn hàng của khách bất kỳ lúc nào. | |
| **Trigger:**  Có khách hàng đặt hàng.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Cập nhật đơn hàng 2. Chọn đơn hàng cần cập nhật:   **Sub 1:** Duyệt (thêm) đơn hàng.  **Sub 2:** Sửa đơn hàng.  **Sub 3:** Xoá đơn hàng.   1. Nhấn lưu hoặc cập nhật. 2. Thông báo xác nhận cập nhật.   **Sub 4:** Xác nhận việc cập nhật.   1. Hiển thị danh sách các đơn hàng. 2. Kết thúc sự kiện (Thêm, sửa, xoá đơn hàng). | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Duyệt (thêm) đơn hàng   1. Chọn đơn hàng cần duyệt. 2. Thay đổi trạng thái đơn hàng. 3. Nhấn nút lưu hoặc cập nhật. 4. Thông báo các đơn hàng đã được duyệt.   **Sub 2:** Sửa đơn hàng:   1. Chọn bài đăng cần sửa. 2. Sửa các đơn hàng khi có thay đổi (nhận được yêu cầu thay đổi từ khách hàng) 3. Nhấn nút lưu hoặc cập nhật. 4. Thông báo đơn hàng đã được chỉnh sửa.   **Sub 3:** Xóa đơn hàng:   1. Chọn đơn hàng cần xóa. 2. Nhấn nút xóa đơn hàng. 3. Nhấn nút lưu hoặc cập nhật. 4. Thông báo đơn hàng đã được xoá.   **Sub 4:** Thông báo xác nhận:   1. Hiện bản thông báo “OK” hoặc “Huỷ”. 2. Nếu nhấn “OK” thì hệ thống sẽ lưu lại và kết thúc. Nếu nhấn “Huỷ” hệ thống sẽ quay về trang chủ nhưng không lưu. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

* 1. **Đặc tả usecase “Tìm kiếm đơn hàng”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tìm kiếm đơn hàng** | **ID: QTV-03** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn tìm kiếm và xem thông tin chi tiết của khách hàng đã đăng ký thành viên. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu tìm kiếm trong danh sách các đơn hàng thì chức năng này sẽ được quản trị viên sử dụng để tìm kiếm thông tin các đơn hàng. | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu tìm trong danh mục đơn hàng.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Tìm kiếm đơn hàng.   **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Nhập thông tin cần tìm kiếm 2. Hiển thị thông tin đơn hàng. 3. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Tìm kiếm thường hoặc tìm kiếm tuỳ chọn (mã đơn hàng, ngày giao, ngày nhận, địa chỉ,…). 2. Đến bước 2. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Quản lý phản hồi”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật đơn hàng** | **ID: QTV-04** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm*:***  Quản trị viên muốn xem các phản hồi của khách hàng của shop về chất lượng sản phẩm - các bó hoa. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi khách hàng gửi các ý kiến phản hồi cho shop, quản trị viên sẽ xem những ý kiến đóng góp của khách. | |
| **Trigger:**  Có khách hàng gửi phản hồi.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):** Trả lời phản hồi  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Quản lý phản hồi   Sub 1: Chọn chức năng Trả lời phản hồi (xem đặc tả Trả lời phản hồi)   1. Hiển thị các phản hồi của khách hàng. 2. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:** Không có. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Trả lời phản hồi”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật đơn hàng** | **ID: QTV-05** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm*:***  Quản trị viên muốn trả lời các phản hồi của khách hàng | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi khách hàng gửi các ý kiến của mình về các sản phẩm cũng như cách phục vụ của quản trị viên trên website. Quản trị viên có quyền trả lời các phản hồi của khách hàng. | |
| **Trigger:**  Có khách hàng gửi phản hồi.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Trả lời phản hồi 2. Điền các ý kiến trả lời cho phản hồi của khách hàng 3. Nhấn nút “Lưu” 4. Hiển thị thông báo yêu cầu xác nhận cập nhật:   **Sub 1:** Xác nhận yêu cầu cập nhật.   1. Kết thúc một sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Thông báo xác nhận:   1. Hiện bảng thông báo “Gửi” hoặc “Huỷ”. 2. Nếu nhấn “Gửi” thì hệ thống sẽ gửi trả lời phản hồi cho khách hàng và kết thúc. Nếu nhấn “Huỷ” hệ thống sẽ lưu lại bản nháp trả lời và quay về trang chủ. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

* 1. **Đặc tả usecase “Quản lý chương trình khuyến mãi”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý chương trình khuyến mãi** | **ID: QTV-06** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên quản lý các chương trình khuyến mãi có trong thág/ năm. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên muốn thêm, sửa, xoá các chương trình khuyến mãi giám giá cho các các sản phẩm hoa tươi của cửa hàng. | |
| **Trigger:** Không có  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):** Cập nhật chương trình khuyến mãi, Tìm kiếm chương trình khuyến mãi.  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Quản lý khuyến mãi.   **Sub 1:** Chọn chức năng Cập nhật chương trình khuyến mãi (xem đặc tả Cập nhật chương trình khuyến mãi)   1. Hiển thị các chương trình khuyến mãi. 2. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:** Không có. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Tìm kiếm chương trình khuyến mãi”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tìm kiếm chương trình khuyến mãi** | **ID: QTV-07** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn tìm kiếm và xem thông tin chi tiết các chương trình khuyến mãi của cửa hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu tìm kiếm trong danh sách các đơn hàng thì chức năng này sẽ được quản trị viên sử dụng để tìm kiếm thông tin các chương trình khuyến mãi. | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu tìm trong danh mục các chương trình khuyến mãi  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Tìm kiếm chương trình khuyến mãi.   **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Nhập thông tin cần tìm kiếm 2. Hiển thị thông tin chương trình. 3. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Tìm kiếm thường hoặc tìm kiếm tuỳ chọn (ngày khuyến mãi, giảm giá, …). 2. Đến bước 2. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Cập nhật chương trình khuyến mãi”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật chương trình khuyến mãi** | **ID: QTV-08** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Trung bình |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Khi quản trị viên thêm, sửa, xoá các chương trình khuyến mãi. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên theo dõi các chương trình khuyến mãi của cửa hàng.  Quản trị viên có quyền thêm, sửa, xoá thông tin các chương trình khuyến mãi bất kỳ lúc nào. | |
| **Trigger:**  Có các chương trình khuyến mãi.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Cập nhật khuyến mãi 2. Chọn chương trình khuyến mãi cần cập nhật:   **Sub 1:** Thêm chương trình khuyến mãi.  **Sub 2:** Sửa chương trình khuyến mãi.  **Sub 3:** Xoá chương trình khuyến mãi.   1. Nhấn lưu hoặc cập nhật. 2. Thông báo xác nhận cập nhật.   **Sub 4:** Xác nhận việc cập nhật.  Hiển thị danh sách các chương trình khuyến mãi.  Kết thúc sự kiện (Thêm, sửa, xoá chương trình khuyến mãi). | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Thêm chương trình khuyến mãi:   1. Điền thông tin chương trình khuyến mãi. 2. Nhấn nút “Lưu” hoặc “Cập nhật”. 3. Thông báo chương trình khuyến mãi.   **Sub 2:** Sửa chương trình khuyến mãi:   1. Chọn chương trình khuyến mãi cần sửa. 2. Sửa chương trình khuyến mãi khi có thay đổi (giảm giá, thời hạn khuyến mãi). 3. Nhấn nút lưu hoặc cập nhật. 4. Thông báo chương trình đã được chỉnh sửa.   **Sub 3:** Xóa chương trình khuyến mãi:   1. Chọn chương trình cần xóa. 2. Nhấn nút xóa đơn hàng. 3. Thông báo chương trình đã được xoá.   **Sub 4:** Thông báo xác nhận:   1. Hiện bản thông báo “OK” hoặc “Huỷ”. 2. Nếu nhấn “OK” thì hệ thống sẽ lưu lại và kết thúc. Nếu nhấn “Huỷ” hệ thống sẽ quay về trang chủ nhưng không lưu. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

* 1. **Đặc tả usecase “Quản lý tin tức”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý tin tức** | **ID: QTV-09** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên quản lý các tin tức giải trí trên hệ thống. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên muốn thêm, sửa, xoá các tin tức, sự kiện . | |
| **Trigger:** Không có  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):** Cập nhật tin tức, Tìm kiếm tin tức.  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Quản lý tin tức   **Sub 1:** Chọn chức năng Cập nhật tin tức (xem đặc tả Cập nhật tin tức).   1. Hiển thị các tin tức được đăng. 2. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:** Không có. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Tìm kiếm tin tức”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tìm kiếm tin tức** | **ID: QTV-10** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn tìm kiếm và xem các bài đăng, tin tức mà các nhân viên đã đăng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu tìm kiếm trong danh sách các tin tức thì chức năng này sẽ được quản trị viên sử dụng để tìm kiếm các tin tức, bài đăng trong thời gian qua. | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu tìm trong danh mục tin tức, bài đăng.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Tìm kiếm tin tức.   **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Nhập thông tin cần tìm kiếm 2. Hiển thị thông tin tin tức. 3. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Tìm kiếm thường hoặc tìm kiếm tuỳ chọn (ngày đăng, nội dung, tiêu đề, ...). 2. Đến bước 2. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Cập nhật tin tức”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật đơn hàng** | **ID: QTV-11** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Trung bình |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Khi quản trị viên thêm, sửa, xoá các tin tức, bài đăng trên hệ thống. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên đăng các tin tức, bài viết trên website.  Quản trị viên có quyền thêm, sửa, xoá thông tin các tin tức bất kỳ lúc nào. | |
| **Trigger:**  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Cập nhật tin tức. 2. Chọn tin tức cần cập nhật:   **Sub 1:** Thêm tin tức.  **Sub 2:** Sửa tin tức.  **Sub 3:** Xoá tin tức.   1. Nhấn “Lưu” hoặc “Cập nhật”. 2. Thông báo xác nhận cập nhật.   **Sub 4:** Xác nhận việc cập nhật.   1. Hiển thị danh sách các tin tức. 2. Kết thúc sự kiện (Thêm, sửa, xoá tin tức). | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Thêm tin tức, bài đăng   1. Điền thông tin tin tức. 2. Nhấn nút “Đăng”. 3. Thông báo tin tức.   **Sub 2:** Sửa bài đăng của thành viên:   1. Chọn tin tức cần sửa. 2. Sửa tin tức. 3. Nhấn nút lưu hoặc cập nhật. 4. Thông báo tin tức, bài đăng đã được chỉnh sửa.   **Sub 3:** Xóa tin tức, bài đăng:   1. Chọn tin tức, bài đăng cần xóa. 2. Nhấn nút xóa tin tức. 3. Thông báo tin tức, bài đăng đã được xoá.   **Sub 4:** Thông báo xác nhận:   1. Hiện bản thông báo “OK” hoặc “Huỷ”. 2. Nếu nhấn “OK” thì hệ thống sẽ đăng bài viết và kết thúc. Nếu nhấn “Huỷ” hệ thống sẽ quay về trang chủ và lưu bản nháp của tin tức. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

* 1. **Đặc tả usecase “Quản lý danh mục hoa”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý danh mục hoa** | **ID: QTV-12** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên quản lý sản phẩm (các bó hoa). | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên muốn quản lý các sản phẩm trên hệ thống như các mặt hàng hoa, các bó hoa, loại hoa. | |
| **Trigger:** Không có  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):** Cập nhật danh mục hoa, Tìm kiếm hoa.  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Quản lý danh mục hoa.   **Sub 1:** Chọn chức năng Cập nhật danh mục hoa (xem đặc tả Cập nhật danh mục hoa).  **Sub 2:** Chọn chức năng Tìm kiếm hoa (xem đặc tả Tìm kiếm hoa).   1. Hiển thị danh mục các loại bó hoa 2. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:** Không có. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Cập nhật danh mục hoa”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật danh mục hoa** | **ID: QTV-13** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Trung bình |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Khi quản trị viên thêm, sửa, xoá các tin tức, bài đăng trên hệ thống. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên cập nhật lại danh sách bán hàng như các bó hoa, loại hoa trưng bày của cửa hàng.  Quản trị viên có quyền thêm, sửa, xoá thông tin các danh mục hoa của cửa hàng bất kỳ lúc nào. | |
| **Trigger:**  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Cập nhật tin tức. 2. Chọn tin tức cần cập nhật:   **Sub 1:** Thêm bó hoa.  **Sub 2:** Sửa bó hoa.  **Sub 3:** Xoá bó hoa.   1. Nhấn “Lưu” hoặc “Cập nhật”. 2. Thông báo xác nhận cập nhật.   **Sub 4:** Xác nhận việc cập nhật.   1. Hiển thị danh sách danh mục các bó hoa. 2. Kết thúc sự kiện (Thêm, sửa, xoá bó hoa). | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Thêm bó hoa.   1. Điền thông tin bó hoa. 2. Nhấn nút “Lưu”. 3. Thông báo bó hoa đã được lưu.   **Sub 2:** Sửa thông tin bó hoa:   1. Chọn bó hoa cần sửa. 2. Sửa tin tức. 3. Nhấn nút “Cập nhật”. 4. Thông báo bó hoa đã được chỉnh sửa.   **Sub 3:** Xóa thông tin bó hoa:   1. Chọn bó hoa cần xóa. 2. Nhấn nút “Xóa” để xoá bó hoa. 3. Thông báo bó hoa đã được xoá.   **Sub 4:** Thông báo xác nhận:   1. Hiện bản thông báo “OK” hoặc “Huỷ”. 2. Nếu nhấn “OK” thì hệ thống sẽ đăng bài viết và kết thúc. Nếu nhấn “Huỷ” hệ thống sẽ quay về trang chủ và không lưu. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

* 1. **Đặc tả usecase “Tìm kiếm hoa”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tìm kiếm hoa** | **ID: QTV-14** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn tìm kiếm và xem thông tin chi tiết các sản phẩm bó hoa của cửa hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu tìm kiếm trong danh mục các bó hoa thì chức năng này sẽ được quản trị viên sử dụng để tìm kiếm sản phẩm trong danh mục các bó hoa của cửa hàng. | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu tìm trong danh mục các bó hoa.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Tìm kiếm hoa.   **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Nhập thông tin cần tìm kiếm 2. Hiển thị danh mục các loại bó hoa 3. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Tìm kiếm thường hoặc tìm kiếm tuỳ chọn (lọc theo giá, màu hoa, loại hoa, chủ đề,…). 2. Đến bước 2. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Quản lý khách hàng”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý khách hàng** | **ID: QTV-15** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên quản lý các khách hàng thành viên. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên muốn quản lý các thành viên đăng ký tài khoản thành viên trên hệ thống. | |
| **Trigger:** Có yêu cầu quản lý, xem thông tin khách hàng thành viên.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):** Cập nhật thông tin khách hàng, Tìm kiếm khách hàng  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Quản lý khách hàng.   **Sub 1:** Chọn chức năng Cập nhật thông tin khách hàng (xem đặc tả Cập nhật thông tin khách hàng).  **Sub 2:** Chọn chức năng Tìm kiếm khách hàng (xem đặc tả Tìm kiếm khách hàng).   1. Hiển thị danh mục các loại bó hoa 2. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:** Không có. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

* 1. **Đặc tả usecase “Cập nhật thông tin khách hàng”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật danh mục hoa** | **ID: QTV-16** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Trung bình |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Khi quản trị viên thêm, sửa, xoá thông tin khách hàng thành viên của cửa hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên cập nhật lại danh sách khách hàng của cửa hàng. Quản trị viên có quyền thêm, sửa, xoá thông tin các thành viên của hệ thống bất kỳ lúc nào. | |
| **Trigger:** Có yêu cầu cập nhật thông tin của khách hàng thành viên.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Cập nhật thông tin khách hàng. 2. Chọn tin tức cần cập nhật:   **Sub 1:** Thêm khách hàng thành viên.  **Sub 2:** Sửa thông tin của khách hàng thành viên.  **Sub 3:** Xoá thông tin khách hàng.   1. Nhấn “Lưu” hoặc “Cập nhật”. 2. Thông báo xác nhận cập nhật.   **Sub 4:** Xác nhận việc cập nhật.   1. Hiển thị danh sách danh mục khách hàng. 2. Kết thúc sự kiện (Thêm, sửa, xoá thông tin khách hàng). | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Thêm bó hoa.   1. Điền thông tin thành viên. 2. Nhấn nút “Lưu”. 3. Thông báo thành viên đã được lưu.   **Sub 2:** Sửa thông tin khách hàng thành viên:   1. Chọn thông tin khách hàng thành viên cần sửa. 2. Sửa thông tin. 3. Nhấn nút “Cập nhật”. 4. Thông báo thông tin khách hàng đã được thay đổi.   **Sub 3:** Xóa thông tin khách hàng:   1. Chọn khách hàng cần xóa. 2. Nhấn nút “Xóa” để xoá thông tin khách hàng. 3. Thông báo khách hàng đã được xoá.   **Sub 4:** Thông báo xác nhận:   1. Hiện bản thông báo “OK” hoặc “Huỷ”. 2. Nếu nhấn “OK” thì hệ thống sẽ đăng bài viết và kết thúc. Nếu nhấn “Huỷ” hệ thống sẽ quay về trang chủ và không lưu. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

* 1. **Đặc tả usecase “Tìm kiếm khách hàng”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tìm kiếm khách hàng** | **ID: QTV-17** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn tìm kiếm và xem thông tin chi tiết của khách hàng đã đăng ký thành viên. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu tìm kiếm trong danh mục khách hàng thì chức năng này sẽ được quản trị viên sử dụng để tìm kiếm thông tin khách hàng. | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu tìm trong danh mục khách hàng thành viên.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Tìm kiếm khách hàng.   **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Nhập thông tin cần tìm kiếm 2. Hiển thị thông tin khách hàng. 3. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Tìm kiếm thường hoặc tìm kiếm tuỳ chọn (địa chỉ, loại khách hàng, tên khách hàng,…). 2. Đến bước 2. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

1. **Đặc tả usecase “Quản lý nhân viên”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Quản lý nhân viên** | **ID: QTV-18** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên quản lý các nhân viên trong cửa hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên muốn quản lý các nhân viên của cửa hàng. | |
| **Trigger:** Có yêu cầu quản lý, xem thông tin nhân viên.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):** Cập nhật thông tin nhân viên, Tìm kiếm nhân viên, Phân quyền nhân viên  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Quản lý nhân viên.   **Sub 1:** Chọn chức năng Cập nhật thông tin nhân viên (xem đặc tả Cập nhật thông tin nhân viên).  **Sub 2:** Chọn chức năng Tìm kiếm nhân viên (xem đặc tả Tìm kiếm nhân viên).   1. Hiển thị danh sách nhân viên. 2. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:** Không có. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

1. **Đặc tả usecase “Cập nhật thông tin nhân viên”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Cập nhật thông tin nhân viên** | **ID: QTV-19** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Trung bình |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Khi quản trị viên thêm, sửa, xoá thông tin nhân viên của cửa hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên cập nhật lại danh sách nhân viên của cửa hàng. Quản trị viên có quyền thêm, sửa, xoá hồ sơ thông tin các nhân viên của cửa hàng bất kỳ lúc nào. | |
| **Trigger:** Có yêu cầu cập nhật thông tin của nhân viên.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Cập nhật thông tin nhân viên. 2. Chọn tin tức cần cập nhật:   **Sub 1:** Thêm hồ sơ nhân viên.  **Sub 2:** Sửa thông tin của nhân viên.  **Sub 3:** Xoá thông tin nhân viên.   1. Nhấn “Lưu” hoặc “Cập nhật”. 2. Thông báo xác nhận cập nhật.   **Sub 4:** Xác nhận việc cập nhật.   1. Hiển thị danh sách danh mục nhân viên. 2. Kết thúc sự kiện (Thêm, sửa, xoá thông tin nhân viên). | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Thêm bó hoa.   1. Điền thông tin nhân viên. 2. Nhấn nút “Lưu”. 3. Thông báo hồ sơ nhân viên đã được lưu.   **Sub 2:** Sửa thông tin nhân viên:   1. Chọn thông tin nhân viên cần sửa. 2. Sửa thông tin. 3. Nhấn nút “Cập nhật”. 4. Thông báo thông tin nhân viên đã được thay đổi.   **Sub 3:** Xóa thông tin nhân viên:   1. Chọn nhân viên cần xóa. 2. Nhấn nút “Xóa” để xoá hồ sơ của nhân viên. 3. Thông báo hồ sơ nhân viên đã được xoá.   **Sub 4:** Thông báo xác nhận:   1. Hiện bản thông báo “OK” hoặc “Huỷ”. 2. Nếu nhấn “OK” thì hệ thống sẽ đăng bài viết và kết thúc. Nếu nhấn “Huỷ” hệ thống sẽ quay về trang chủ và không lưu. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: | |

1. **Đặc tả usecase “Tìm kiếm nhân viên”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Tìm kiếm nhân viên** | **ID: QTV-20** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn tìm kiếm và xem thông tin chi tiết của nhân viên. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu tìm kiếm trong danh mục nhân viên thì chức năng này sẽ được quản trị viên sử dụng để tìm kiếm thông tin nhân viên. | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu tìm trong danh mục hồ sơ nhân viên.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Tìm kiếm hồ sơ nhân viên.   **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Nhập thông tin cần tìm kiếm 2. Hiển thị thông tin hồ sơ nhân viên. 3. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Tìm kiếm thường hoặc tìm kiếm tuỳ chọn (họ tên, loại nhân hàng, chức vụ,…). 2. Đến bước 2. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

1. **Đặc tả usecase “Phân quyền nhân viên”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Phân quyền nhân viên** | **ID: QTV-21** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn cấp quyền trên hệ thống cho các nhân viên trong cửa hàng. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu cấp quyền trên hệ thống cho các nhân viên như quản lý danh mục hoa, quản lý khách hàng,... | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu phân quyền trên hệ thống cho các nhân viên.  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Phân quyền nhân viên. 2. Chọn nhân viên cần cấp quyền 3. Thay đổi quyền cho nhân viên. 4. Nhấn nút “Lưu”. 5. Thông báo xác nhận lại việc cập nhật.   Sub 1: Xác nhận yêu cầu cập nhật.   1. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 4:** Xác nhận yêu cầu cập nhật.   1. Nhấn “OK” hoặc “cancel” 2. Nếu nhấn OK thì hệ thống sẽ lưu lại và kết thúc. Nếu nhấn Cancel hệ thống sẽ quay về trang chủ nhưng không lưu. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |

1. **Đặc tả usecase “Báo cáo và thống kê”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case: Phân quyền nhân viên** | **ID: QTV-22** |
| **Actor chính: Quản trị viên** | **Mức độ cần thiết:** Bắt buộc |
| **Phân loại:** Đơn giản |
| **Các thành phần tham gia và mối quan tâm:**  Quản trị viên muốn thống kê doanh thu bán hàng của cửa hàng cũng như muốn đánh gia mặt hàng nào bán chạy trong tháng/quý/năm đó. | |
| **Mô tả tóm tắt:**  Khi quản trị viên có yêu cầu thống kê doanh thu bán hàng. | |
| **Trigger:** Khi có yêu cầu thống kê và lập báo cáo cho cửa hàng .  **Type:** external | |
| **Các mối quan hệ:** Quản trị viên  **+Association (kết hợp):**  **+Include (bao gồm):**  **+Extend (mở rộng):**  **+Generalization (tổng quát hóa):** | |
| **Luồng xử lý bình thường của sự kiện:**   1. Chọn chức năng Thống kê. 2. Chọn chế độ thống kê:   **Sub 1:** Thống kê theo các tiêu chí nhất định.   1. Hiển thị các bản thống kê. 2. Nhấn nút “Lưu”. 3. Lập bản báo cáo. 4. Kết thúc sự kiện. | |
| **Các luồng sự kiện con:**  **Sub 1:** Chọn chế độ tìm kiếm   1. Thống kê theo các tiêu chí tuỳ chọn (loại hoa, ngày, tháng, năm,…) 2. Đến bước 2.. | |
| **Luồng luân phiên/đặc biệt (Alternate/Exceptional flows)**: Không có. | |